

Số: **255** /KL-TTr

Hà Nội, ngày **05** tháng **11** năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA
Việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động
tại Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức

Thực hiện Quyết định số 396/QĐ-TTr ngày 24/9/2024 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, ngày 08/10/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành kiểm tra, xác minh việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động tại Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức; thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm thanh tra.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 21/10/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức (sau đây gọi là doanh nghiệp).

- Đơn vị sở hữu: Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV (51% vốn).

- Địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp: số 8 Khổng Tử, phường Bình Thới, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Địa chỉ văn phòng hoạt động: số 8 Khổng Tử, phường Bình Thới, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304803601 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 18/01/2007 đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 28/4/2022.

- Ngành nghề sản xuất, kinh doanh chủ yếu: khai thác, xử lý và cung cấp nước.

- Số điện thoại giao dịch: 19001012 Fax: 08.38960241.

- Số tài khoản 3144563751 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Sài Gòn.

- Tổng số chi nhánh/đơn vị hoạch toán phụ thuộc: không.

- Tổng số người đang làm việc tại doanh nghiệp: 456 người.

- Tổ chức công đoàn cơ sở: đã thành lập.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Các loại báo cáo định kỳ

- Đã báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động theo quy định.

- Đã báo cáo định kỳ về công tác an toàn, vệ sinh lao động theo quy định.

2. Tuyển dụng và đào tạo lao động

- Việc tuyển dụng lao động: doanh nghiệp thực hiện tuyển dụng bằng việc đăng thông tin tuyển dụng tại trang thông tin điện tử của doanh nghiệp và các trang mạng xã hội tuyển dụng, tìm kiếm việc làm.

- Doanh nghiệp không thu phí tuyển dụng người lao động.

- Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động.

- Việc ký kết hợp đồng đào tạo với người lao động, người học nghề, tập nghề để làm việc cho doanh nghiệp: không phát sinh.

3. Giao kết và thực hiện hợp đồng lao động

a) Giao kết hợp đồng lao động (*số liệu tính tại thời điểm thanh tra*)

- Số người không thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: 0 người.

- Số người thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: 456 người.

- Số người đã giao kết hợp đồng lao động: 456 người, trong đó:

+ Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 390 người.

+ Hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 03 tháng đến 36 tháng: 66 người.

+ Hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 01 tháng đến dưới 03 tháng: 0 người.

+ Hợp đồng lao động có thời hạn dưới 01 tháng: 0 người.

+ Hợp đồng lao động làm việc không trọn thời gian: 0 người.

Kiểm tra 05 hợp đồng lao động giao kết với người lao động (các ông, bà: Bùi Thị Thanh Trang, Huỳnh Đặng Kim Anh, Nguyễn Thị Kim Tuyền, Vũ Trường Tam, Đinh Nguyễn Đăng Khoa), hợp đồng lao động ghi không cụ thể công việc phải làm của người lao động mà ghi “theo sự phân công của trưởng phòng”.

- Số người chưa được giao kết hợp đồng lao động: 0 người.

b) Việc thực hiện chế độ đối với người lao động mất việc, thôi việc (*từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm thanh tra*)

- Số lao động bị mất việc làm; việc trả trợ cấp mất việc làm cho người lao động bị mất việc làm: không phát sinh.

- Việc thông báo trước cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cho người lao động trước khi cho nhiều người lao động thôi việc (trong trường hợp thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc vì lý do kinh tế): không phát sinh.

- Số lao động thôi việc từ 01/01/2023 đến thời điểm thanh tra: 12 người, trong đó có 08 trường hợp đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc, doanh nghiệp đã trả trợ cấp thôi việc cho người lao động với tổng số tiền là 132.916.533 đồng.

4. Đối thoại tại doanh nghiệp và thỏa ước lao động tập thể (TULĐTT)

- Doanh nghiệp đã tổ chức đối thoại định kỳ 01 lần/năm, trước ngày bắt đầu tổ chức đối thoại định kỳ ít nhất 05 ngày làm việc, các bên chưa gửi nội dung đối thoại cho bên tham gia đối thoại. Không tổ chức đối thoại khi có vụ việc (khi xây dựng thang lương, bảng lương).

- Doanh nghiệp đã tổ chức thương lượng tập thể và ký kết TULĐTT. Hồ sơ thương lượng tập thể chưa có thông báo bằng văn bản về những nội dung dự kiến tiến hành thương lượng tập thể của đại diện tập thể người lao động với người sử dụng lao động hoặc ngược lại; không lưu biên bản thương lượng tập thể.

- Đã gửi TULĐTT đã ký kết đến cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

- Doanh nghiệp đã xây dựng quy chế dân chủ cơ sở tại nơi làm việc.

5. Tiền lương và trả công lao động

- Mức lương tối thiểu doanh nghiệp đang áp dụng: 4.960.000 đồng/tháng.

- Thu nhập thấp nhất: 14.194.702 đồng/tháng, cao nhất: 49.262.069 đồng/tháng.

- Phương pháp trả lương: trả qua tài khoản. Người sử dụng lao động chi trả chi phí liên quan đến việc mở tài khoản và chuyển tiền lương cho người lao động.

- Hình thức trả lương doanh nghiệp đang áp dụng: theo thời gian (theo tháng).

- Doanh nghiệp đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động.

- Đã trả đủ tiền lương làm thêm giờ, tiền lương làm việc vào ban đêm cho người lao động.

- Đã trả đủ tiền lương ngày nghỉ có hưởng lương cho người lao động.

- Đã trả lương những ngày chưa nghỉ hằng năm hoặc những ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm cho người lao động khi thôi việc.

- Tiền lương ngừng việc và cách giải quyết tiền lương trong các trường hợp thiếu việc làm: không phát sinh.

- Tình hình khấu trừ tiền lương của người lao động; việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không.

- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không.

- Tiền ăn giữa ca: 200.000 đồng/người/ngày.

6. Thời giờ làm việc và nghỉ ngơi

- Thực hiện thời giờ làm việc 8 giờ/ngày, 40 giờ/tuần.

- Doanh nghiệp huy động người lao động làm thêm giờ không quá số giờ quy định.

- Đã thực hiện các quy định về nghỉ hằng tuần, nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng theo quy định.

- Số ngày nghỉ hằng năm đối với lao động làm công việc bình thường: 12 ngày (chưa tính thâm niên).

- Việc quy định các đợt nghỉ ngắn trong ca làm việc: không.

7. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất

- Doanh nghiệp đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh. Nội quy lao động có nội dung không

đúng quy định của pháp luật, cụ thể: khoản 1 Điều 4 về thời giờ làm việc quy định “tùy công việc cấp bách không thể trì hoãn, Công ty có thể huy động làm thêm giờ”.

- Số vụ việc đã xử lý kỷ luật lao động: 01 vụ khiển trách; trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật lao động theo quy định.

- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không.

- Những trường hợp người lao động phải bồi thường trách nhiệm vật chất: không phát sinh.

8. Lao động đặc thù

8.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ

- Tổng số lao động nữ: 107 người.

- Việc thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ:

+ Không sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ trong doanh nghiệp.

+ Đã bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm và buồng vệ sinh cho lao động nữ.

+ Chưa hỗ trợ một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho lao động nữ đang nuôi con nhỏ.

+ Đã đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi nghỉ thai sản.

8.2. Các quy định riêng đối với lao động chưa thành niên

Doanh nghiệp không sử dụng lao động chưa thành niên.

8.3. Đối với lao động là người nước ngoài

Doanh nghiệp không sử dụng lao động là người nước ngoài.

8.4. Đối với lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi

Doanh nghiệp không sử dụng lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi.

9. Khiếu nại, tranh chấp lao động

Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không xảy ra khiếu nại, tranh chấp lao động.

10. An toàn lao động, vệ sinh lao động

- Doanh nghiệp không sử dụng lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm; đã thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên gồm 27 người, đã trả phụ cấp trách nhiệm cho an toàn, vệ sinh viên, chưa ban hành quy chế hoạt động của mạng lưới an toàn, vệ sinh viên.

- Đã bố trí 01 người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động.

- Không bố trí người làm công tác y tế hoặc thành lập bộ phận y tế hoặc có hợp đồng với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ năng lực theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế để thực hiện các nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe người lao động.

- Doanh nghiệp đang sử dụng 05 máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động (04 cần trục ô tô, 01 bình chứa khí nén) đã được kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đạt yêu cầu và còn thời hạn. Biên bản kiểm định không ký tên, đóng dấu đơn vị sử dụng thiết bị, không ghi tên người chứng kiến kiểm định.

- Doanh nghiệp đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người sử dụng lao động và người lao động. Thẻ an toàn lao động không có ảnh của người lao động, ghi nội dung không đúng quy định (không ghi địa danh nơi cấp thẻ; công việc ghi “Nhân viên Gis”, “Nhân viên quản lý địa bản” là không đúng theo danh mục công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động). Sổ theo dõi người thuộc nhóm 4 được huấn luyện không có chữ ký của người lao động. Giấy chứng nhận huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động của an toàn, vệ sinh viên không có ảnh của người lao động.

- Doanh nghiệp đã trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động. Chưa tham khảo ý kiến của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trước khi quyết định thời hạn sử dụng, số lượng phương tiện bảo vệ cá nhân trang cấp cho người lao động.

- Số vụ tai nạn lao động trong thời kỳ thanh tra: 0 vụ.

- Năm 2023, doanh nghiệp không tiến hành quan trắc môi trường lao động theo quy định của pháp luật; năm 2024, doanh nghiệp đã tiến hành quan trắc môi trường lao động, 152/152 mẫu đạt tiêu chuẩn.

- Việc bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại vượt giới hạn cho phép: không phát sinh, tuy nhiên doanh nghiệp vẫn tổ chức bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc tại một số vị trí với mức 20.000 đồng/người/ca làm việc.

- Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động, tuy nhiên còn thiếu nẹp cổ, nẹp cánh tay, nẹp cẳng tay, nẹp đùi, nẹp cẳng chân.

- Doanh nghiệp đã tổ chức khám sức khỏe cho người lao động 01 lần/năm, lao động nữ được khám chuyên khoa phụ sản.

11. Bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

- Số người thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp: 456 người. Số người không thuộc đối tượng tham gia: 0 người.

- Số người đã tham gia: 456 người; số người chưa tham gia: 0 người.

- Tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là mức lương ghi trên hợp đồng lao động, các loại phụ cấp.

- Tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp đã đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đến hết tháng 9/2024. Số tiền chậm đóng tại thời điểm thanh tra: 0 đồng.

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật đã được doanh nghiệp thực hiện

- 1.1. Đã thực hiện các báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động và công tác an toàn, vệ sinh lao động.
- 1.2. Không thu phí tuyển dụng lao động.
- 1.3. Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động.
- 1.4. Đã giao kết hợp đồng lao động với toàn bộ người lao động thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động.
- 1.5. Đã tổ chức đối thoại tại nơi làm việc.
- 1.6. Đã xây dựng quy chế dân chủ cơ sở tại nơi làm việc.
- 1.7. Đã trả đủ tiền lương cho người lao động theo quy định.
- 1.8. Đã hỗ trợ tiền ăn ca cho người lao động.
- 1.9. Đã thực hiện đúng quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi.
- 1.10. Đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động theo quy định.
- 1.11. Đã thực hiện một số quy định riêng đối với lao động nữ.
- 1.12. Tại doanh nghiệp không xảy ra khiếu nại, tranh chấp lao động.
- 1.13. Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động.
- 1.14. Đã thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên.
- 1.15. Đã bố trí người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động.
- 1.16. Đã kiểm định các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.
- 1.17. Đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người sử dụng lao động và người lao động.
- 1.18. Đã trang cấp các phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.
- 1.19. Đã tổ chức quan trắc môi trường lao động năm 2024.
- 1.20. Đã tổ chức bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động.
- 1.21. Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo quy định.
- 1.22. Tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp đã tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho 100% số người thuộc đối tượng phải tham gia; đã nộp số tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho cơ quan bảo hiểm xã hội đến tháng 9/2024.

2. Những quy định của pháp luật chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

- 2.1. Hợp đồng lao động giao kết với người lao động ghi không cụ thể công việc phải làm của người lao động mà ghi “theo sự phân công của trưởng phòng” là không đúng quy định tại Điều 21 Bộ luật Lao động, Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã

hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về nội dung của hợp đồng lao động, Hội đồng thương lượng tập thể và nghề, công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản, nuôi con.

2.2. Hồ sơ đối thoại định kỳ không thể hiện các bên gửi nội dung đối thoại cho bên tham gia đối thoại trước ngày đối thoại ít nhất 05 ngày làm việc theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

2.3. Chưa tổ chức đối thoại khi xây dựng thang lương, bảng lương theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 63 Bộ luật Lao động.

2.4. Hồ sơ thương lượng tập thể:

- Chưa có thông báo bằng văn bản về những nội dung dự kiến tiến hành thương lượng tập thể của đại diện tập thể người lao động với người sử dụng lao động hoặc ngược lại theo quy định tại khoản 1 Điều 70 Bộ luật Lao động.

- Không có biên bản cuộc họp thương lượng tập thể theo quy định tại khoản 5 Điều 70 Bộ luật Lao động.

2.5. Khoản 1 Điều 4 nội quy lao động về thời giờ làm việc quy định “tùy công việc cấp bách không thể trì hoãn, doanh nghiệp có thể huy động làm thêm giờ” là không đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 107 Bộ luật Lao động.

2.6. Chưa hỗ trợ một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho lao động nữ đang nuôi con nhỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 136 Bộ luật Lao động.

2.7. Chưa ban hành quy chế hoạt động của mạng lưới an toàn, vệ sinh viên theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

2.8. Không bố trí người làm công tác y tế hoặc thành lập bộ phận y tế hoặc có hợp đồng với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ năng lực theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế để thực hiện các nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe người lao động theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 73 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

2.9. Biên bản kiểm định máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động không ký tên, đóng dấu đơn vị sử dụng thiết bị, không ghi tên người chứng kiến kiểm định theo quy định tại Thông tư số 54/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành 30 quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn đối với máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.10. Thẻ an toàn lao động không có ảnh của người lao động, ghi nội dung không đúng mẫu 06 (không ghi địa danh nơi cấp thẻ), giấy chứng nhận huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động của an toàn, vệ sinh viên không có ảnh của người được huấn luyện theo mẫu 08, sổ theo dõi người thuộc nhóm 4 được huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động không có chữ ký của người lao động theo mẫu 11 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động

kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

2.11. Mục công việc tại thẻ an toàn lao động ghi “Nhân viên Gis”, “Nhân viên quản lý địa bản” là không đúng theo danh mục công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTBXH ngày 20/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.12. Chưa tham khảo ý kiến của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trước khi quyết định thời hạn sử dụng, số lượng phương tiện bảo vệ cá nhân trang cấp cho người lao động theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư số 25/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về chế độ trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân trong lao động.

2.13. Năm 2023 không tiến hành quan trắc môi trường lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

2.14. Chưa trang bị đầy đủ thiết bị, phương tiện sơ cứu, cấp cứu tại nơi làm việc theo Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn quản lý vệ sinh lao động và sức khỏe người lao động.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành Quyết định số 38/QĐ-XPHC ngày 21/10/2024 xử phạt vi phạm hành chính đối với doanh nghiệp với số tiền xử phạt là 50.000.000 đồng.

V. HẠN CHẾ, BẮT CẬP CỦA CƠ CHẾ QUẢN LÝ, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN VÀ KIẾN NGHỊ KHẮC PHỤC

Không.

VI. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

1. Chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 38/QĐ-XPHC ngày 21/10/2024 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Khắc phục sai phạm nêu tại Mục 2 Phần III Kết luận thanh tra này như sau:

- Khắc phục ngay sai phạm số 2.6, 2.7, 2.8, 2.9, 2.10, 2.11, 2.13, 2.14;
- Khắc phục sai phạm số 2.2, 2.3, 2.4 khi phát sinh;
- Khắc phục sai phạm số 2.1, 2.5 trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ký ban hành Kết luận thanh tra này.

3. Thực hiện niêm yết công khai Kết luận thanh tra tại trụ sở doanh nghiệp 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra.

4. Báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện Kết luận thanh tra kèm theo tài liệu chứng minh đến Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 2 Đinh Lễ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội trước ngày 30/11/2024./.

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp (để t/h);
- Chánh thanh tra (để báo cáo);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, hồ sơ TTr.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Nguyễn Anh Tuấn